

Phần II

kinh tế chính trị Mác - Lênin

A- Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Thuật ngữ "kinh tế- chính trị" được sử dụng lần đầu tiên vào năm nào?

- a. 1610
- b. 1612
- c. **1615**
- d. 1618

Câu 2. Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm "kinh tế- chính trị"?

- a. **Antoine Montchretien**
- b. Francois Quesney
- c. Tomas Mun
- d. William Petty

Câu 3. Ai là người được C. Mác coi là sáng lập ra kinh tế chính trị tư sản cổ điển?

- a. **A. Smith**
- b. D. Ricardo
- c. W.Petty
- d. R.T.Mathus

Câu 4. Ai là người được coi là nhà kinh tế thời kỳ công trường thủ công?

- a. W. Petty
- b. A. Smith
- c. **D.Ricardo**
- d. R.T.Mathus

Câu 5. D.Ricardo là nhà kinh tế của thời kỳ nào?

- a. Thời kỳ tích lũy nguyên thủy TBCN
- b. Thời kỳ hiệp tác giản đơn
- c. **Thời kỳ công trường thủ công**
- d. Thời kỳ đại công nghiệp cơ khí

Câu 6. Kinh tế- chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của:

- a. Chủ nghĩa trọng thương
- b. Chủ nghĩa trọng nông
- c. **Kinh tế chính trị cổ điển Anh**
- d. Kinh tế- chính trị tầm thường

Câu 7. Học thuyết kinh tế nào của C.Mác được coi là hòn đá tảng?

- a. Học thuyết giá trị lao động
- b. **Học thuyết giá trị thặng dư**
- c. Học thuyết tích lũy tư sản
- d. Học thuyết tái sản xuất tư bản xã hội

Câu 8. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế- chính trị Mác-Lênin là:

- a. Sản xuất của cải vật chất
- b. Quan hệ xã hội giữa người với người
- c. **Quan hệ sản xuất trong mối quan hệ tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.**
- d. Quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

Câu 9. Hãy chọn phương án đúng về đặc điểm của quy luật kinh tế:

a. Mang tính khách quan Đọc một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

b. Mang tính chủ quan

c. Phát huy tác dụng thông qua hoạt động kinh tế của con người

d. Cả a và c

Câu 10. Chọn phương án đúng về quy luật kinh tế và chính sách kinh tế:

a. Quy luật kinh tế là cơ sở của chính sách kinh tế

b. Chính sách kinh tế là hoạt động chủ quan của nhà nước trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan.

c. Quy luật kinh tế và chính sách kinh tế đều phụ thuộc vào các điều kiện khách quan.

d. Cả a, b, c

Câu 11. Để nghiên cứu kinh tế- chính trị Mác- Lênin có thể sử dụng nhiều phương pháp, phương pháp nào quan trọng nhất?

a. Trừu tượng hoá khoa học

c. Mô hình hoá

b. Phân tích và tổng hợp

d. Điều tra thống kê

Câu 12. Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, C.Mác bắt đầu từ:

a. Sản xuất của cải vật chất

c. Sản xuất giá trị thặng dư

b. Lưu thông hàng hoá

d. Sản xuất hàng hoá giản đơn và hàng hoá.

Câu 13. Trừu tượng hoá khoa học là:

a. Gạt bỏ những bộ phận phức tạp của đối tượng nghiên cứu.

b. Gạt bỏ các hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giữ lại những mối liên hệ phổ biến mang tính bản chất.

c. Quá trình đi từ cụ thể đến trừu tượng và ngược lại.

d. Cả b và c

Câu 14. Chức năng nhận thức của kinh tế- chính trị là nhằm:

a. Phát hiện bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế.

b. Sự tác động giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

c. Tìm ra các quy luật kinh tế

d. Cả a, b, c

Câu 15. Chức năng phương pháp luận của kinh tế- chính trị Mác- Lênin thể hiện ở:

a. Trang bị phương pháp để xem xét thế giới nói chung

b. Là nền tảng lý luận cho các khoa học kinh tế ngành

c. Là cơ sở lý luận cho các khoa học nằm giáp ranh giữa các tri thức các ngành khác nhau.

d. Cả b và c

Câu 16. Chức năng tư tưởng của kinh tế chính trị Mác - Lênin thể hiện ở:

- a. Góp phần xây dựng thế giới quan cách mạng của giai cấp công nhân
- b. Tạo niềm tin vào thắng lợi trong cuộc đấu tranh xoá bỏ áp bức bóc lột
- c. Là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng CNXH

d. Cả a, b và c

Câu 17. Bản chất khoa học và cách mạng của kinh tế - chính trị Mác- Lênin thể hiện ở chức năng nào?

- a. Nhận thức
- b. Tư tưởng
- c. Phương pháp luận
- d. Cả a, b và c**

Câu 18. Hoạt động nào của con người được coi là cơ bản nhất và là cơ sở của đời sống xã hội?

- a. Hoạt động chính trị
- b. Hoạt động khoa học
- c. Hoạt động sản xuất của cải vật chất**
- d. Hoạt động nghệ thuật, thể thao

Câu 19. Để xem xét, giải thích nguồn gốc sâu xa của các hiện tượng kinh tế- xã hội phải xuất phát từ:

- a. Từ hệ tư tưởng của giai cấp thống trị
- b. **Từ các hoạt động kinh tế**
- c. Từ truyền thống lịch sử
- d. Từ ý thức xã hội

Câu 20. Quá trình sản xuất là sự kết hợp của các yếu tố:

- a. Sức lao động với công cụ lao động
- b. Lao động với tư liệu lao động
- c. Sức lao động với đối tượng lao động và tư liệu lao động
- d. Lao động với đối tượng lao động và tư liệu lao động**

Câu 21. "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào". Câu nói trên là của ai?

- a. A. Smith
- b. D. Ricardo
- c. C. Mác**
- d. Ph. Ăng ghen

Câu 22. Sức lao động là:

a. Toàn bộ thể lực và trí lực trong một con người đang sống và được vận dụng để sản xuất ra giá trị sử dụng nào đó.

b. Khả năng lao động, được tiêu dùng trong quá trình sản xuất.

c. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải.

d. Cả a và b.

Câu 23. Lao động sản xuất có đặc trưng cơ bản là:

a. Hoạt động cơ bản nhất, là phẩm chất đặc biệt của con người

b. Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người

c. Là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực

d. Cả a, b và c Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 24. Lao động sản xuất có vai trò gì đối với con người?

- a. Tạo ra của cải vật chất để nuôi sống con người
- b. Phát triển, hoàn thiện con người cả về thể lực và trí lực
- c. Giúp con người tích lũy kinh nghiệm, chế tạo ra công cụ sản xuất ngày càng tinh vi

d. Cả a, b, c.

Câu 25. Đối tượng lao động là:

a. Các vật có trong tự nhiên

b. Những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm thay đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

c. Những vật dùng để truyền dẫn sức lao động của con người

d. Cả a, b, c

Câu 26. Chọn ý đúng trong các ý dưới đây:

a. Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động

b. Mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu

c. Nguyên liệu là đối tượng lao động của các ngành công nghiệp chế biến

d. Cả a và c đều đúng.

Câu 27. Tư liệu lao động gồm có:

a. Công cụ lao động

c. Kết cấu hạ tầng sản xuất

b. Các vật để chứa đựng, bảo quản

d. Cả a, b, c

Câu 28. Trong tư liệu lao động, bộ phận nào quyết định đến năng suất lao động?

a. Công cụ lao động

c. Các vật chứa đựng, bảo quản

b. Nguyên vật liệu cho sản xuất

d. Kết cấu hạ tầng sản xuất

Câu 29. Bộ phận nào của tư liệu lao động được coi là tiêu chí phản ánh đặc trưng phát triển của một thời đại kinh tế

a. Công cụ lao động

c. Nhà cửa, kho bãi ... để chứa đựng, bảo quản

b. Kết cấu hạ tầng sản xuất

d. Cả a và b

Câu 30. Chọn ý đúng trong các ý dưới đây:

a. Một vật là đối tượng lao động cũng có thể là tư liệu lao động

b. Một vật là tư liệu lao động cũng có thể là đối tượng lao động

c. Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp với nhau là tư liệu sản xuất

d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 31. Trong tư liệu lao động, bộ phận nào cần được phát triển đi trước một bước so với đầu tư sản xuất trực tiếp?

a. Công cụ sản xuất

b. Các bộ phận chứa đựng, bảo quản **xuất**

c. Kết cấu hạ tầng sản

d. Cả a và c

Câu 32. Trong nền sản xuất lớn hiện đại, yếu tố nào giữ vai trò quyết định của quá trình lao động sản xuất?

a. Sức lao động

b. Tư liệu sản xuất hiện đại

c. Công cụ sản xuất tiên tiến

d. Đối tượng lao động

Câu 33. Phương thức sản xuất là sự thống nhất của:

a. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội

b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

c. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

d. Cơ cấu kinh tế và kết cấu giai cấp xã hội

Câu 34. Lực lượng sản xuất biểu hiện:

a. Quan hệ con người với tự nhiên

b. Quan hệ con người với con người

c. Quan hệ con người với tự nhiên và quan hệ người với người

d. Cả a, b, c

Câu 35. Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào?

a. Người lao động

b. Tư liệu sản xuất

c. Khoa học công nghệ

d. Cả a, b, c

Câu 36. Yếu tố chủ thể của lực lượng sản xuất là:

a. Tư liệu sản xuất hiện đại

b. Con người với kỹ năng, kỹ xảo và tri thức được tích lũy lại

c. Khoa học công nghệ tiên tiến

d. Cả b và c

Câu 37. Quan hệ sản xuất biểu hiện:

a. Quan hệ giữa người với tự nhiên

b. Quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất

c. Quan hệ giữa người với người trong xã hội

d. Cả a, b, c

Câu 38. Quan hệ sản xuất bao gồm:

a. Quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất

b. Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất xã hội

c. Quan hệ về phân phối sản phẩm xã hội

d. Cả a, b, c

Câu 39. Quan hệ nào giữ vai trò quyết định trong quan hệ sản xuất: m toàn bộ các trang

- a. **Quan hệ sở hữu**
- b. Quan hệ tổ chức quản lý
- c. Quan hệ phân phối
- d. Không quan hệ nào quyết định

Câu 40. Quan hệ sản xuất được hình thành do:

- a. ý muốn chủ quan của con người
- b. Do giai cấp thống trị quy định thành pháp luật
- c. **Do tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất**
- d. Cả a, b, c

Câu 41. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có quan hệ với nhau thế nào?

- a. Tác động qua lại với nhau
- b. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- c. QHSX có tác động tích cực trở lại đối với lực lượng sản xuất
- d. **Cả a, b và c**

Câu 42. Khi nào QHSX được xem là phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?

- a. **Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển**
- b. Cải thiện đời sống nhân dân
- c. Tạo điều kiện thực hiện công bằng xã hội
- d. Cả a, b, c

Câu 43. Các phương thức sản xuất nối tiếp nhau trong lịch sử theo trình tự nào?

- a. Cộng sản nguyên thủy- phong kiến- chiếm hữu nô lệ- tư bản – chủ nghĩa cộng sản
- b. **Cộng sản nguyên thủy- chiếm hữu nô lệ- phong kiến- tư bản- chủ nghĩa cộng sản**
- c. Chiếm hữu nô lệ - cộng sản nguyên thủy - phong kiến - tư bản - chủ nghĩa cộng sản
- d. Cộng sản nguyên thủy - chiếm hữu nô lệ - tư bản - phong kiến - chủ nghĩa cộng sản

Câu 44. Tái sản xuất là:

- a. Là quá trình sản xuất
- b. **Là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại và phục hồi không ngừng.**
- c. Là sự khôi phục lại sản xuất
- d. Cả a, b, c

Câu 45. Căn cứ vào đâu để phân chia thành tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội?

- a. **Căn cứ vào phạm vi sản xuất**
- b. Căn cứ vào tốc độ sản xuất
- c. Căn cứ vào tính chất sản xuất
- d. Căn cứ vào nội dung sản xuất

Câu 46. Căn cứ vào đâu để chia ra thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng?

- a. Căn cứ vào phạm vi
- c. Căn cứ vào tính chất

b. Căn cứ vào nội dung

d. Căn cứ vào quy mô

Câu 47. Loại tái sản xuất nào làm tăng sản phẩm chủ yếu do tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực?

a. Tái sản xuất giản đơn

b. Tái sản xuất mở rộng

c. Tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng

d. Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu

Câu 48. Chọn ý sai về tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng?

a. Tái sản xuất giản đơn là đặc trưng của nền sản xuất nhỏ

b. Tái sản xuất giản đơn là việc tổ chức sản xuất đơn giản, không phức tạp

c. Tái sản xuất mở rộng là đặc trưng của nền sản xuất lớn

d. Sản phẩm thặng dư là nguồn gốc của tái sản xuất mở rộng

Câu 49. Chọn ý sai về tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng và tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu?

a. Đều làm cho sản phẩm tăng lên

b. Cả hai hình thức tái sản xuất đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào

c. Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và gây ra ô nhiễm ít hơn tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng.

d. Cả b và c

Câu 50. Xác định đúng trình tự các khâu của quá trình tái sản xuất

a. Sản xuất - trao đổi - phân phối - tiêu dùng

b. Sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng

c. Phân phối - trao đổi - sản xuất - tiêu dùng

d. Trao đổi - tiêu dùng - phân phối - sản xuất

Câu 51. Trong 4 khâu của quá trình tái sản xuất, khâu nào giữ vai trò quyết định?

a. Sản xuất

c. Trao đổi

b. Phân phối

d. Tiêu dùng

Câu 52. Trong các khâu của quá trình tái sản xuất, khâu nào là mục đích và là động lực?

a. Sản xuất

c. Trao đổi

b. Phân phối

d. Tiêu dùng

Câu 53. Chọn ý đúng về quan hệ giữa sản xuất với phân phối

a. Tồn tại độc lập với nhau

b. Phân phối thụ động, do sản xuất quyết định

c. Phân phối quyết định đến quy mô, cơ cấu của sản xuất xem toàn bộ các trang

d. Sản xuất quyết định phân phối, phân phối có tác động tích cực đối với sản xuất.

Câu 54. Nội dung của tái sản xuất xã hội bao gồm:

a. Tái sản xuất của cải vật chất và QHSX

b. Tái sản xuất sức lao động và tư liệu sản xuất

c. Tái sản xuất tư liệu tiêu dùng và môi trường sinh thái

d. Tái sản xuất sức lao động, của cải vật chất, QHSX và môi trường sinh thái

Câu 55. Tiêu chí nào là quan trọng nhất để phân biệt các hình thái kinh tế - xã hội?

a. Lực lượng sản xuất

c. Tồn tại xã hội

b. Quan hệ sản xuất

d. Kiến trúc thượng tầng

Câu 56. Tăng trưởng kinh tế là:

a. Tăng năng suất lao động

b. Tăng hiệu quả của sản xuất

c. Tăng quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định

d. Sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội

Câu 57. Chỉ số nào được sử dụng để tính tốc độ tăng trưởng kinh tế?

a. Mức tăng năng suất lao động

b. Mức tăng vốn đầu tư

c. Mức tăng GDP/người

d. Mức tăng GNP hoặc GDP năm sau so với năm trước

Câu 58. Để tăng trưởng kinh tế cao, kinh tế học hiện đại nêu ra các nhân tố nào?

a. Vốn, khoa học công nghệ và con người

b. Đất đai, tư bản và cơ cấu kinh tế

c. Cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị và vai trò của nhà nước

d. Cả a và c

Câu 59. Chọn ý đúng về phát triển kinh tế

a. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế bền vững

b. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế, hoàn thiện cơ cấu kinh tế và thể chế kinh tế.

c. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống

d. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế gắn liền với hoàn thiện cơ cấu kinh tế, thể chế kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 60. Thế nào là tăng trưởng kinh tế bền vững?

a. Là sự tăng trưởng ổn định lâu dài và tốc độ rất cao

- b. Là sự tăng trưởng tương đối cao, ổn định trong thời gian tương đối dài
- c. Sự tăng trưởng gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái và tiến bộ xã hội
- d. Cả b và c**

Câu 61. Trong các nhân tố tăng trưởng kinh tế, Đảng ta xác định nhân tố nào là cơ bản của tăng trưởng nhanh và bền vững?

- a. Vốn
- b. Con người**
- c. Khoa học và công nghệ
- d. Cơ cấu kinh tế, thể chế kinh tế và vai trò nhà nước

Câu 62. Tăng trưởng kinh tế có vai trò thế nào?

- a. Là điều kiện để khắc phục tình trạng đói nghèo, lạc hậu
- b. Để tạo thêm việc làm, giảm thất nghiệp
- c. Để củng cố an ninh, quốc phòng
- d. Cả a, b và c**

Câu 63. Các nhân tố nào có ảnh hưởng đến phát triển kinh tế?

- a. Lực lượng sản xuất
- b. Quan hệ sản xuất
- c. Kiến trúc thượng tầng
- d. Cả a, b, c**

Câu 64. Phát triển kinh tế bao gồm những nội dung nào dưới đây?

- a. Sự gia tăng của GNP, hoặc GDP và GNP hoặc GDP trên đầu người.
- b. Cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng: tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GNP tăng lên còn của nông nghiệp trong GNP giảm xuống.
- c. Chất lượng cuộc sống của đa số dân cư tăng lên cả về mặt vật chất, tinh thần và môi trường sinh thái được bảo vệ.
- d. Cả a, b, c**

Câu 65. Tiến bộ xã hội được thể hiện ở những mặt nào?

- a. Tiến bộ về kinh tế
- b. Tiến bộ về chính trị, xã hội
- c. Đời sống văn hoá, tinh thần ngày càng được nâng cao
- d. Cả a, b, c đều đúng**

Câu 66. Liên hợp quốc dùng chỉ số HDI làm tiêu chí đánh giá sự phát triển, sự tiến bộ của mỗi quốc gia. Chỉ số HDI gồm những tiêu chí cơ bản nào?

- a. Mức thu nhập bình quân (GDP/người)
- b. Thành tựu giáo dục
- c. Tuổi thọ bình quân
- d. Cả a, b và c**

Câu 67. Phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội có quan hệ với nhau:

a. Phát triển kinh tế là cơ sở vật chất cho tiến bộ xã hội để xem toàn bộ các trang

b. Tiến bộ xã hội thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế

c. Thực chất là quan hệ giữa sự phát triển lực lượng sản xuất với phát triển QHSX và kiến trúc thượng tầng

d. Cả a, b và c

Câu 68. Chọn ý đúng về tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế

a. Muốn phát triển kinh tế thì cần phải tăng trưởng kinh tế

b. Có thể có tăng trưởng kinh tế nhưng không có phát triển kinh tế

c. Những nhân tố làm tăng trưởng kinh tế đều làm phát triển kinh tế

d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 69. Chọn các nội dung đúng về xã hội hoá sản xuất. Xã hội hoá sản xuất bao gồm:

a. Xã hội hoá sản xuất về kinh tế- kỹ thuật

b. Xã hội hoá sản xuất về kinh tế - tổ chức

c. Xã hội hoá sản xuất về kinh tế - xã hội

d. Cả a, b, c

Câu 70. Sản xuất hàng hoá xuất hiện dựa trên:

a. Phân công lao động cá biệt và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

b. Phân công lao động chung và chế độ sở hữu khác nhau về TLSX

c. Phân công lao động và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất

d. Phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu hoặc những hình thức sở hữu khác nhau về TLSX

Câu 71. Hàng hoá là:

a. Sản phẩm của lao động để thoả mãn nhu cầu của con người

b. Sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán

c. Sản phẩm ở trên thị trường

d. Sản phẩm được sản xuất ra để đem bán

Câu 72. Giá trị của hàng hoá được quyết định bởi:

a. Sự khan hiếm của hàng hoá

b. Sự hao phí sức lao động của con người

c. Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá

d. Công dụng của hàng hoá

Câu 73. Quy luật giá trị có tác dụng: